

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/HS-PT

Ngày: 16-12-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 110/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn P do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện M.

Bị cáo bị kháng nghị: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; vợ, con: chưa có; tiền án: có 04 tiền án. Tại Bản án số: 14/2007/HSST ngày 03/01/2007 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm 09 tháng tù về “Tội cướp tài sản” và “Tội cướp giật tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2009). Tại Bản án số: 83/2009/HSPT ngày 17/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/11/2011). Tại Bản án số: 84/2012/HSPT ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/12/2014). Tại Bản án số: 30/2015/HSST ngày 26/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt 04 (bốn) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2019, chưa chấp hành xong phần dân sự); tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 10/3/2022 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Bến Giá; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn P đã thực hiện các hành vi như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 17/10/2021, Nguyễn Văn P đến trại hòm C tại ấp K, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre nhận với chị Võ Thị Thảo N (sinh năm 2003; nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre), P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 71B2 - 727.80 của chị N nên P nói dối với chị N mượn xe này đi mua đồ, chị N đồng ý nên giao chìa khóa và giấy đăng ký xe, sau đó P điều khiển xe của chị N đến Thành phố Hồ Chí Minh bán cho bà Lê Thị Kiều T (sinh năm 1972; nơi cư trú: Chung cư A, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 10.500.000 đồng, trả cho bà T 8.500.000 đồng, còn 2.000.000 đồng tiêu xài hết. Khi hành vi của P bị phát hiện, ông Lại Văn N là chồng của bà T đã giao nộp xe mô tô trên cho Công an xử lý.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐG ngày 24/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu đỏ đen xám, biển kiểm soát 71B2 - 727.80, số máy JA36E0158928, số khung RLHJA3628EY102120, trị giá 12.500.000 đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 08/01/2022, Nguyễn Văn P đến nhà ông Nguyễn Văn S (sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre), P nói dối với ông S là mượn xe mô tô biển kiểm soát 71B3 - 235.98 của ông S để mua dụng cụ sửa ghe, tin thật nên ông S giao xe cho P, sau đó P điều khiển xe mô tô trên đến Thành phố Hồ Chí Minh bán cho người không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể với giá 2.500.000 đồng, có tiền P đã tiêu xài hết.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐG ngày 23/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu đen xám, biển kiểm soát 71B3 - 235.98, số máy JE3X9E106055, số khung 53240HY040855, trị giá 12.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Ngày 17/02/2022, Nguyễn Văn P đến nhà anh Huỳnh Ngọc T tại ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre uống rượu, tại đây Nguyễn Văn P thấy xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 339.37 của ông Đinh Bé P (sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre) là người uống rượu chung nên P hỏi mượn xe của ông Bé P đi mua thuốc hút, trong cốp xe có giấy căn cước công dân mang tên Võ Văn N, ông Bé P tin thật nên đồng ý giao xe cho P, sau đó P điều khiển xe trên đến Thành phố Hồ Chí Minh bán xe cho người không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể với giá 2.800.000 đồng, có tiền P đã tiêu xài hết.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐGTS ngày 07/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE S, màu S đen xám, biển kiểm soát 71B4 - 339.37, số máy JC43E-1259077, số khung 4313AY044942, trị giá 6.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Ngày 07/3/2022, Nguyễn Văn P đi ngang Cửa hàng điện thoại di

động Quang T do ông Dương Quang T (sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre) làm chủ, thấy xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 321.78 của ông T trưng bán nên ngày 08/3/2022 Nguyễn Văn P thuê ông Trần Văn C (sinh năm 1953; nơi cư trú: Số 245B, Phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre) điều khiển xe mô tô chở P đến gặp ông Dương Quang T, tại đây P giả vờ hỏi mua xe trên với giá 32.000.000 đồng, ông T tin thật nên giao chìa khóa xe cho P chạy thử và P đã điều khiển xe tẩu thoát, sau đó P điện thoại nhờ Trần Hoàng P chở đi bán xe. P lấy biển số khác thay biển số 71B4 - 321.78 rồi chở P đến Thành phố Hồ Chí Minh, P cùng P nhờ ông Lại Văn N và bà Lê Thị Kiều T bán xe đã chiếm đoạt với giá 5.000.000 đồng, có tiền P cho P 500.000 đồng, số tiền còn lại P tiêu xài hết.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 372/KL-HĐĐG ngày 29/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE NEO, màu đỏ đen bạc, biển kiểm soát 71B4 - 321.78, trị giá 24.990.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 10 giờ ngày 10/3/2022, Nguyễn Văn P thuê ông Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô chở P từ thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre đến Cửa hàng xe máy C tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre) làm chủ. Đến nơi P gặp ông Lê Tấn Đ là người làm thuê cho ông Cường trao đổi mua xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 395.58 với giá 24.500.000 đồng. Để ông Đ tin tưởng là thật, P đưa 01 giấy căn cước công dân mang tên Võ Văn N và yêu cầu ông Đ đưa xe chạy thử, ông Đ đồng ý và giao xe nên P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 395.58 tẩu thoát. Khoảng 05 phút sau không thấy Nguyễn Văn P quay lại nên ông Đ báo cho ông C biết và báo Công an vụ việc. Khi Nguyễn Văn P điều khiển xe mô tô chiếm đoạt đến khu vực Phường 5, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì bị Công an mời làm việc và tạm giữ tang vật.

* Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐG ngày 11/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, màu trắng, biển kiểm soát 71B4-395.58, số máy JF66E0150135, số khung 5813GY150094, trị giá 22.000.000 đồng.

* Theo Kết luận giám định số: 2757/KL-KTTHS ngày 14/7/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Các lớp in trên phôi căn cước công dân số 083091007540, ngày cấp 20/8/2021, đứng tên Võ Văn N với các lớp in tương ứng trên căn cước công dân mẫu so sánh do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an phát hành (lưu tại C09B) là có cùng bản in.

2. Căn cước công dân số 083091007540, đứng tên Võ Văn N, cấp ngày 20/8/2021 đã bị thay ảnh gốc.

3. Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh không có chức năng giám định, kết luận thông tin, hình ảnh trên căn cước có phải của công dân được cấp căn cước hay không.

* Vật chứng:

- Bị hại Nguyễn Văn C giao nộp: 01 (một) giấy căn cước công dân số 083091007540 mang tên Võ Văn N (đang tạm giữ).

- Lại Văn N giao nộp: 01 (một) xe mô tô hiệu HONDA, loại BLADE, biển kiểm soát 71B2 - 727.80, kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 71002361 có biển kiểm soát 71B2 - 727.80, thuộc sở hữu của Võ Thị Thảo N và đã trả lại.

- Cơ quan điều tra huyện M tạm giữ:

+ 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu HONDA, loại VISION, màu trắng, biển kiểm soát 71B4 - 395.58, thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn C và đã trả lại.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART màu xanh, loại cảm ứng, thuộc sở hữu của Nguyễn Văn P và đã trả lại.

* Phần dân sự: Bị hại Nguyễn Văn C và bị hại Võ Thị Thảo N không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự. Bị hại Nguyễn Văn S yêu cầu bị cáo bồi thường 13.000.000 đồng. Bị hại Dương Quang T yêu cầu bị cáo bồi thường 32.000.000 đồng. Bị hại Đinh Bé P yêu cầu bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn P đồng ý nhưng chưa bồi thường cho các bị hại.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm b, c, d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2022.

[2] Về xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả tài sản cho:

- Võ Thị Thảo N 01 xe mô tô hiệu HONDA, loại BLADE, biển kiểm soát 71B2 - 727.80, kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 71002361 có biển kiểm soát 71B2 - 727.80 thuộc sở hữu của N.

- Nguyễn Văn P 01 điện thoại di động hiệu VSMART màu xanh, loại cảm ứng, thuộc sở hữu của P.

- Nguyễn Văn C 01 xe mô tô hai bánh hiệu HONDA, loại VISION, màu trắng, biển kiểm soát 71B4 - 395.58, thuộc sở hữu của C.

Tịch thu tiêu hủy 01 căn cước công dân số 083091007540 mang tên Võ Văn N do đã bị thay đổi ảnh gốc nên không còn giá trị sử dụng.

Buộc bị cáo giao nộp số tiền 20.800.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre về việc áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo Nguyễn Văn P; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm theo hướng không buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp tổng số tiền bán xe mà có là 20.800.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và không có ý kiến gì đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre trong hạn luật định. Về biện pháp tư pháp; do bị cáo đã phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục buộc bị cáo giao nộp số tiền bán xe mô tô mà có là 20.800.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre về phần áp dụng biện pháp tư pháp; không buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp tổng số tiền bán xe mà có là 20.800.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận và không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành trong thời hạn kháng nghị phù hợp với quy định tại Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Với động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo Nguyễn Văn P đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể:

- Ngày 17/10/2021; tại ấp K, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, bị cáo chiếm đoạt của chị Võ Thị Thảo N 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2 - 727.80, trị giá 12.500.000 đồng;

- Ngày 08/01/2022; tại ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn S 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B3 - 235.98, trị giá 12.000.000 đồng;

- Ngày 17/02/2022; tại ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, bị cáo chiếm đoạt của ông Đinh Bé P 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 339.37, trị giá 6.000.000 đồng;

- Ngày 07/3/2022; tại ấp An Mỹ, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, bị cáo chiếm đoạt của ông Dương Quang T 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 321.78, trị giá 24.990.000 đồng;

- Ngày 10/3/2022; tại ấp Phước Hậu, xã Phước Mỹ Trung, huyện M, tỉnh Bến Tre, bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn C 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 395.58, trị giá 22.000.000 đồng.

Tổng trị giá các tài sản bị cáo Nguyễn Văn P chiếm đoạt của các bị hại là: 77.490.000 đồng.

[3] Về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; đã áp dụng điểm b, c, d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2022 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Những phần quyết định nêu trên của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; chỉ riêng phần biện pháp tư pháp buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải giao nộp số tiền 20.800.000 đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước là bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp tổng số tiền bán xe mà có là 20.800.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, thấy rằng: sau khi chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 71B2 -

727.80 của bị hại Võ Thị Thảo N, bị cáo Nguyễn Văn P đem xe bán cho bà Lê Thị Kiều T được số tiền 10.500.000 đồng, hiện xe đã được thu hồi giao trả cho bị hại N và chưa xác định được việc bà Lê Thị Kiều T mua xe do bị cáo P bán có biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có hay không, cũng chưa xác định được bà Lê Thị Kiều T có yêu cầu như thế nào đối với số tiền này nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo P giao nộp số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước là chưa có cơ sở. Ngoài ra; đối với hành vi của bị cáo P chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 71B3 - 235.98 của bị hại Nguyễn Văn S bán được số tiền 2.500.000 đồng, chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 339.37 của bị hại Đinh Bé P bán được số tiền 2.800.000 đồng và chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 71B4 - 321.78 của bị hại Dương Quang T bán được số tiền 5.000.000 đồng; do bị cáo P đem xe chiếm đoạt được đi bán và không thu hồi được xe để trả lại cho các bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo P phải bồi thường cho các bị hại giá trị xe đã bị chiếm đoạt với tổng số tiền 49.000.000 đồng (bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn S 13.000.000 đồng, bị hại Đinh Bé P 6.000.000 đồng và bị hại Dương Quang T 30.000.000 đồng) là phù hợp. Tuy nhiên, thấy rằng bị cáo P đã phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tiếp tục buộc bị cáo P giao nộp số tiền 20.800.000 đồng do bán xe mô tô chiếm đoạt được mà có để sung vào ngân sách Nhà nước là không đúng quy định tại Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, gây bất lợi cho bị cáo P. Xét thấy Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị không buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp tổng số tiền bán xe mà có là 20.800.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị Bản án sơ thẩm nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 04/QĐ-VKS-P7 ngày 26/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre về phần biện pháp tư pháp;

Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Không buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp tổng số tiền bán xe mà có là 20.800.000 (hai mươi triệu tám trăm nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm d khoản 1 Điều 11; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M(3b);
- Công an và VKSND huyện M(2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã Nhuận Phú Tân, huyện M (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông